

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THÁP MƯỜI
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 45/2019/HNGĐ - ST
Ngày: 07/10/ 2019
V/v Tranh chấp chia tài sản sau ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THÁP MƯỜI, TỈNH ĐỒNG THÁP**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thanh Mai.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đào Văn Hiến.

Ông Nguyễn Văn Ánh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bích Vân - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Trần Thanh Sang - Kiểm sát viên.

Các ngày 26/9; 03/10 và 07 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tháp Mười xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 313/2019/TLST- HNGĐ ngày 25 tháng 7 năm 2019, về việc “Tranh chấp chia tài sản sau ly hôn ” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 162/2019/QĐST- HNGĐ ngày 06 tháng 9 năm 2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Phạm Thị T, sinh năm: 1965

Địa chỉ: Khóm 3, TT MA, huyện TM, Đồng Tháp.

Bị đơn: Nguyễn Văn Tr, sinh năm: 1965

Địa chỉ: Khóm 1, TT MA, huyện TM, Đồng Tháp.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

Nguyễn Thị Thúy V, sinh năm: 1993.

Nguyễn Giang C, sinh năm: 1985.

Nguyễn Thị P, sinh năm: 1985.

Cùng địa chỉ: Khóm 1, thị trấn Mỹ An, huyện Tháp Mười, Đồng Tháp.

(Bà T, ông Tr có mặt tại phiên tòa, nhưng ông Tr có đơn xin vắng mặt tuyên án ngày 07/10/2019; Chị Thúy V, anh C, chị P có đơn xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Bà Phạm Thị T trình bày: Trước và trong thời kỳ hôn nhân vào năm 2011, vợ chồng bà có dành dụm mua được 01 nền nhà thửa đất số 24, tờ bản đồ số 20, diện tích 81 m², đất tọa lạc tại khóm 1, thị trấn Mỹ An, huyện Tháp Mười với giá 150.000.000đ, đất này do chồng bà là Nguyễn Văn Tr đứng tên quyền sử dụng đất. Đến năm 2014, ông Tr tự tặng cho con riêng của ông Tr tên Nguyễn Thị Thúy V đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà không bàn bạc với bà, nên không biết để ngăn cản vì lúc đó bà và ông Tr, không có mâu thuẫn vì Thúy V là con trong gia đình nên bà không tranh chấp.

Hiện nay, bà yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Nguyễn Văn Tr hủy hợp đồng cho, tặng nền nhà tại thửa đất số 24, tờ bản đồ số 20, diện tích 81m², đất tọa lạc khóm 1, thị trấn Mỹ An, huyện Tháp Mười giữa ông Nguyễn Văn T tặng cho Nguyễn Thị Thúy V vì hiện nay Nguyễn Thị Thúy V đang đứng tên quyền sử dụng đất để giao lại cho bà được nhận hiện vật là nền nhà tại thửa đất số 24, tờ bản đồ số 20, diện tích 81m², đất tọa lạc khóm 1, thị trấn Mỹ An, huyện Tháp Mười theo giá của Hội đồng định giá qui định.

Đồng thời, trong thời kỳ hôn nhân ông T đã cho thuê mặt bằng nền nhà trên thời gian 6 năm với giá 03 năm đầu tính từ năm 2012 đến năm 2014 giá 14.000.000đ/năm, số tiền là 42.000.000đ. Thời gian sau 03 năm mỗi năm 16.000.000đ, số tiền là 48.000.000đ; Tổng cộng là 90.000.000đ.

Nay bà yêu cầu buộc ông Nguyễn Văn Tr hủy hợp đồng cho, tặng nền nhà tại thửa đất số 24, tờ bản đồ số 20, diện tích 81m², đất tọa lạc khóm 1, thị trấn Mỹ An, huyện Tháp Mười giữa ông Nguyễn Văn Tr tặng cho Nguyễn Thị Thúy V để giao cho bà được nhận hiện vật là nền nhà tại thửa đất số 24, tờ bản đồ số 20, diện tích 81m², đất tọa lạc khóm 1, thị trấn Mỹ An, huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp. Bà chấp nhận trả cho ông Nguyễn Văn Tr ½ giá trị nền nhà tại thửa đất số 24, tờ bản đồ số 20, diện tích 81m², đất tọa lạc khóm 1, thị trấn Mỹ An, huyện Tháp Mười theo giá Hội đồng định giá Huyện định là 182.250.000đ (Một trăm tám mươi hai triệu hai trăm năm chục ngàn đồng).

Và yêu cầu ông Tr chia cho bà ½ tổng số tiền cho thuê mặt bằng của nền nhà tại thửa đất số 24, tờ bản đồ số 20, diện tích 81m², đất tọa lạc khóm 1, thị trấn Mỹ An, huyện Tháp Mười là 45.000.000đ.

Đối với, hợp đồng thuê nền nhà giữa Thúy V và anh C, và tiền cho thuê năm 2019 thì bà không yêu cầu giải quyết để bà tự thỏa thuận với anh C.

Ông Nguyễn Văn Tr trình bày: Ông và bà T đã có Quyết định thuận tình ly hôn số 247/2017/QĐST-HNGĐ ngày 11/12/2017, sau đó bà T khởi kiện tranh chấp chia tài sản sau khi ly hôn, Tòa án đã có Bản án số 55/2018/HNGĐ-ST ngày 05/11/2018, bà T kháng cáo lên Tòa án Tỉnh thì đến ngày 26/02/2019 ông nhận Quyết định số 01/2019/QĐPT ngày 11/01/2019, của Tòa án tỉnh Đồng Tháp. Quyết định đình chỉ xét xử phúc thẩm vụ án dân sự. Trong Quyết định có nêu Bản án hôn nhân gia đình số 55/2018/HNGĐ-ST ngày 05/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện Tháp Mười có hiệu lực pháp luật kể từ ngày ra quyết định và ông đã thi hành xong Bản án số 55, đến ngày 20/5/2019 ông nhận được Quyết định số: 17/2019/QĐST-HNGĐ, Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án hôn nhân gia đình.

Nay bà T tiếp tục làm đơn khởi kiện, ông không đồng ý theo yêu cầu của bà T vì nguồn gốc tiền mua đất là cha mẹ vợ trước của ông là bà Nguyễn Thị Nhân cho 5.000m² đất lúa tại ấp Mỹ Phước 1, xã Mỹ Quý, huyện Tháp Mười, vợ chồng ông không có điều kiện canh tác nên khoảng năm 2000 vợ ông bán cho em vợ Út với giá 07 lượng vàng. Do điều kiện em vợ nghèo nên thỏa thuận trả dần đến tháng 6/2011 là 5,8 lượng và sau đó đã trả dứt điểm, mục đích thừa đất này là để cho con ông biết là đất của ông, bà ngoại cho để làm kỷ niệm, lúc còn sống vợ ông có bàn bạc với gia đình là khi nào em vợ trả hết tiền thì kiếm mua một miếng đất khác để cho con cháu sau này được biết, đến năm 2005, vợ ông là bà Nhân bệnh chết, đến năm 2010 thì lấy số vàng bán đất cho em vợ để mua diện tích đất nền nhà.

Với những lý do nêu trên, ông không đồng ý theo yêu cầu của bà T yêu cầu ông hủy hợp đồng tặng cho thừa đất số 24, tờ bản đồ số 20, diện tích 81m² với con gái là Nguyễn Thị Thúy V, để giao nền nhà này cho bà T và chia 2 số tiền cho thuê là bất hợp lý, vì nguồn gốc mua được đất này không có công của bà T hoặc bất cứ một sự đóng góp nào của bên cha, mẹ, anh, chị, em bà T, hơn nữa vụ án này bà T đã thưa nhiều lần và các Quyết định của Tòa án cấp Huyện, cấp Tỉnh đã có hiệu lực thi hành.

Chị Nguyễn Thị Thúy V trình bày: Sau khi cha chị và bà T đã có Quyết định thuận tình ly hôn số 247/2017/QĐST-HNGĐ ngày 11/12/2017, sau đó bà T khởi kiện tranh chấp chia tài sản sau khi ly hôn, Tòa án đã có bản án số 55/2018/HNGĐ-ST ngày 05/11/2018, bà T kháng cáo Tòa án Tỉnh thì đến ngày 26/02/2019, cha chị nhận Quyết định số 01/2019/QĐPT ngày 11/01/2019 của Tòa án tỉnh Đồng Tháp. Quyết định đình chỉ xét xử phúc thẩm vụ án dân sự. Trong Quyết định có nêu bản án hôn nhân gia đình số 55/2018/HNGĐ-ST ngày 05/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện Tháp Mười có hiệu lực pháp luật kể từ ngày ra quyết định. và cha chị đã thi hành xong bản án số 55, đến ngày 20/5/2019 cha chị nhận được Quyết định số: 17/2019-QĐST-HNGĐ, Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án hôn nhân gia đình.

Nay bà T tiếp tục làm đơn khởi kiện, chị không đồng ý theo yêu cầu của bà T vì nguồn gốc tiền mua đất ông, bà ngoại chị, cho mẹ chị là bà Nguyễn Thị Nhân 5.000m² đất lúa tại ấp Mỹ Phước 1, xã Mỹ Quý, huyện Tháp Mười, cha mẹ chị không có điều kiện canh tác nên khoảng năm 2000 bán cho dì Út với giá 07 lượng vàng. Do điều kiện dì Út nghèo nên thỏa thuận trả dần đến tháng 6/2011 là 5,8 lượng và sau đó đã trả dứt điểm, mục đích thừa đất này là để cho con cháu biết là đất của ông, bà ngoại

cho để làm kỷ niệm, lúc còn sống mẹ chị có bàn bạc với gia đình bà ngoại là khi nào di út trả hết tiền thì kiếm mua một miếng đất khác để cho con cháu sau này được biết, đến năm 2005, mẹ chị là bà Nhân bệnh chết. Đến năm 2010, thì cha chị lấy số vàng bán đất cho di út mua để mua diện tích đất nền nhà.

Với những lý do nêu trên, chị không đồng ý theo yêu cầu của bà T yêu cầu cha chị hủy hợp đồng tặng cho giữa chị và ông Tr và giao nền nhà này cho bà T và chia 2 số tiền cho thuê là bất hợp lý, nên chị không ý theo yêu cầu của bà T.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát phát biểu: Về tố tụng từ khi thụ lý vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký thực hiện đúng theo quy định Bộ luật tố tụng dân sự.

Những người tham gia tố tụng thì nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ được quy định tại Điều 70, 71 BLTTDS.

Về nội dung: Không chấp nhận yêu cầu của bà Phạm Thị T, yêu cầu hủy hợp đồng cho, tặng nền nhà tại thửa đất số 24, tờ bản đồ số 20, diện tích 81m², đất tọa lạc khóm 1, thị trấn Mỹ An, huyện Tháp Mười giữa ông Nguyễn Văn Tr và Nguyễn Thị Thúy V để giao cho lại cho bà được nhận nền nhà, bà đồng ý trả lại giá trị là 182.250.000đ và yêu cầu được chia số cho thuê nền là 45.000.000đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về pháp luật tố tụng: Theo đơn khởi kiện của bà Phạm Thị T ghi ngày 26/6/2019, quan hệ tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải của Tòa án quy định tại khoản 1 Điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung: Bà Phạm Thị T và ông Nguyễn Văn Tr sống chung từ năm 2006 có đăng ký kết hôn, đến năm 2017 ly hôn đã có Quyết định thuận tình ly hôn số 247/2017/QĐST-HNGĐ ngày 11/12/2017, sau đó bà T khởi kiện tranh chấp chia tài sản sau khi ly hôn, tại phiên tòa bà T rút yêu cầu chia thửa đất số 24, tờ bản đồ số 20, diện tích 81m², Tòa án huyện Tháp Mười đã có Bản án số 55/2018/HNGĐ-ST ngày 05/11/2018 và bà T kháng cáo bản án số 55/2018/HNGĐ-ST lên Tòa án tỉnh Đồng Tháp yêu cầu xem xét được chia thửa đất số 24, tờ bản đồ số 20, diện tích 81 m², nhưng bà T rút đơn kháng cáo được Tòa án tỉnh Đồng Tháp ra Quyết định đình chỉ xét xử phúc thẩm và Bản án của Tòa án huyện Tháp Mười có hiệu lực pháp luật ông Tr đã thi hành xong, tiếp tục bà T khởi kiện lại yêu cầu ông Tr chia đôi thửa đất số 24, tờ bản đồ số 20, diện tích 81m², bà đồng ý nhận giá trị là 182.250.000đ và tiền cho thuê nền nhà là 45.000.000đ nhưng tại phiên tòa ngày 20/5/2019 bà T có đơn xin rút đơn khởi kiện, Tòa án huyện Tháp Mười ra Quyết định chỉ giải quyết vụ án. Đến ngày

26/6/2019, bà T tiếp tục có đơn khởi kiện ông Tr yêu cầu chia tài sản chung sau ly hôn vì bà T cho rằng lúc sống chung với ông Tr năm 2011, thì ông Tr có mua một nền nhà thửa đất số 24, tờ bản đồ số 20, diện tích 81 m², đất tọa lạc tại khóm 1, thị trấn Mỹ An, huyện Tháp Mười với giá 151.000.000đ, đến năm 2014 thì ông Tr tự tặng cho con riêng của ông Tr là Nguyễn Thị Thúy V và chị V đã cho anh Nguyễn Giang C thuê từ năm 2014 đến nay, nên bà yêu cầu hủy hợp đồng tặng cho giữa ông Tr và Thúy V và ông Tr, chị V giao nền nhà thửa đất số 24, tờ bản đồ số 20, diện tích 81m² cho bà và chia cho bà tiền cho thuê nền nhà là 45.000.000đ, bà đồng ý trả ½ giá trị nền nhà cho ông Tr là 182.250.000đ nhưng ông Tr không đồng nên xảy tranh chấp.

[3] Xét yêu cầu của bà Phạm Thị Thuỷ yêu cầu ông Nguyễn Văn Tr hủy hợp đồng cho, tặng nền nhà tại thửa đất số 24, tờ bản đồ số 20, diện tích 81m², đất tọa lạc khóm 1, thị trấn Mỹ An, huyện Tháp Mười giữa ông Nguyễn Văn Tr tặng cho Nguyễn Thị Thúy V để cho bà T được nhận hiện vật là nền nhà và đồng ý trả cho ông Tr là 182.250.000đ (Một trăm tám mươi hai triệu hai trăm năm chục ngàn đồng). Và yêu cầu ông Tr chia cho bà 45.000.000đ tiền cho thuê mặt bằng của nền nhà là không có cơ sở vì trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa bà cũng không chứng minh nguồn tiền ông Tr mua nền nhà thửa đất số 24, tờ bản đồ số 20, diện tích 81m² là của bà và ông Tr, cũng như số tiền 90.000.000đ tiền cho thuê nền nhà hiện ông Tr vẫn còn giữ không sử dụng.

[4] Ngoài ra, tại phiên tòa ngày 05/11/2018 bà T thừa nhận nền nhà tại thửa đất số 24, tờ bản đồ số 20, diện tích 81m² là có tiền của vợ trước ông Tr để lại và cuộc sống chung vợ chồng của bà với ông Tr là những khoản tiền thu nhập từ lương của ông Tr, cho thuê nhà kho, đất hầm của ông Tr và vợ trước để lại. Đồng thời, bà cũng thừa nhận ngoài việc nội trợ, làm vườn thì bà không có công việc nào khác và cũng không có thu nhập thêm.

Khi ông Tr mua nền nhà và ông Tr được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cá nhân tên ông Tr đến khi ông Tr tặng cho con riêng của ông Tr là Nguyễn Thị Thúy V thì bà và ông Tr còn sống chung nhưng bà mặc nhận không tranh chấp.

Đối với, ý kiến bà T cho rằng trong cuộc sống chung gia đình ông Tr là người quản lý tiền tiền bạc, chi tiêu trong gia đình nên bà không biết số tiền cụ thể nhưng thực tế trong cuộc sống thì còn phải chi các khoản chi phí, sinh hoạt trong gia đình và chăm lo cuộc sống cho các con ông của ông Tr nên cần phải có khoản thu nhập thực tế, ổn định.

[5] Đồng thời, bà cũng được Tòa án thụ lý giải quyết tranh chấp chia tài sản sau ly hôn là những tài sản chung được ông Tr thừa nhận, bản án đã có hiệu lực pháp luật ông Tr và bà T đã thực hiện xong. Do đó, không chấp nhận cầu của bà T yêu cầu chia ½ nền nhà, ½ tiền cho thuê nền.

Đối với, anh Nguyễn Giang C, Nguyễn Thị P là người thuê nền nhà thửa đất số 24, tờ bản đồ số 20, diện tích 81m², có đơn xin vắng mặt.

Chị Nguyễn Thị Thúy V là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có đơn xin vắng mặt.

Do không chấp nhận yêu cầu của bà T nên bà T phải chịu án phí nhưng bà T có đơn xin miễn án phí do hoàn cảnh khó khăn có xác nhận của chính quyền địa phương nên được giảm 50%.

[6] Xét, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Huyện phát biểu về việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng đều thực hiện đúng theo quy định Bộ luật tố tụng dân sự.

Và phát biểu về đường lối giải quyết vụ án đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu của bà T.

Như đã nhận định ở phần trên. Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Huyện là có căn cứ chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 33 Luật Hôn nhân và gia đình Việt Nam; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

- Không chấp nhận yêu cầu của bà Phạm Thị T yêu cầu ông Nguyễn Văn Tr hủy hợp đồng cho, tặng nền nhà tại thửa đất số 24, tờ bản đồ số 20, diện tích 81m², đất tọa lạc khóm 1, thị trấn Mỹ An, huyện Tháp Mười giữa ông Nguyễn Văn Tr và Nguyễn Thị Thúy V để giao cho bà T được nhận nền nhà và bà Thuỷ đồng ý trả cho ông Tr là 182.250.000đ (Một trăm tám mươi hai triệu hai trăm năm chục ngàn đồng). Và yêu cầu ông Tr chia cho bà ½ tiền cho thuê mặt bằng của nền nhà tại thửa đất số 24 là 45.000.000đ.

- Về án phí: Bà T phải chịu án phí hôn nhân & gia đình sơ thẩm là 11.362.500đ, nhưng bà T được giảm 50%, do hoàn cảnh gia đình khó khăn có đơn xác nhận của Chính quyền địa phương nên bà T phải nộp là 5.681.000đ và được trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân & gia đình sơ thẩm đã nộp là 5.681.000đ theo biên lai thu số BH/2018/0002328, quyền số 0000047 ngày 26/6/2019 và biên lai thu số BH/2018/0002601, quyền số 0000053 ngày 15/8/2019, của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tháp Mười.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án hôm nay bà T được quyền làm đơn kháng cáo lên Tòa án cấp trên. Đối với, ông Tr, chị V, anh C, chị P được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 luật thi hành án dân sự thì người thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND, VKSND Tỉnh ĐT
- VKSND cùng cấp.
- Những người tham gia tố tụng.
- Lưu hồ sơ vụ án (M)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thanh Mai